

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/HS-ST

Ngày 28-12-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tuấn

Ông Trương Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 214/2021/TLST-HS ngày 10/12/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2021/QĐXXST-HS ngày 13/12/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1993 tại: Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 1, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn N và con bà: Nguyễn Thị N; vợ: Phạm Thị QT, có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; TATS: Theo danh chỉ bản số 509 ngày 25/9/2021 do Công an huyện K lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án-tiền sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 19xx - Nơi ĐKKHKT tại: Số 9x, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và N vụ liên quan: Anh Trần Văn N, sinh năm 1992 - Địa chỉ: S4, ngõ 2 đường Q, thị trấn Q, huyện K, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10h30 ngày 27/7/2021, Nguyễn Văn T đi bộ qua ngách 24/68 đường Q, huyện K, thành phố Hà Nội thì thấy anh Nguyễn Đức T đang sửa dây cáp. Anh T có di chuyển chiếc xe máy Honda Dream màu nâu BKS: 99K1-205.xx để trên vỉa hè và vẫn cắm chìa khóa tại ổ khóa, anh T đang tập trung làm việc không có ai trông giữ nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. T lại gần, ngồi lên chiếc xe, bật khóa điện và nổ máy đi về hướng xã T. Sau đó, T di chuyển theo đường QL39 hướng về J, B, Hà Nội. Trên đường đi, T điều khiển xe máy vào cửa hàng Hằng N Motor, địa chỉ: số 50 Đường H, phường J, quận B, thành phố Hà Nội gặp anh Trần Văn N để bán chiếc xe. T nói đây là xe máy của mình, giấy tờ xe để quên trong máy giặt nên bị nhàu nát và hiện đã thất lạc, quên mang giấy tờ tùy thân. Sau khi kiểm tra chiếc xe, anh N đồng ý mua lại chiếc xe và trả cho T 3.000.000đ. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, T đã bán một chiếc điện thoại OPPO của mình tại cửa hàng điện thoại của anh Hà Thiện Bảo, sinh năm 1995 - Trú tại: Số 14 ngõ 62 đường Q, thị trấn Q, huyện K, thành phố Hà Nội. Sau đó, T xin mua lại chiếc điện thoại này nhưng do không có tiền trả nên T đặt lại chiếc xe máy Liberty BKS: 29E1 - 236.xx của mình để làm tin. Sau khi bán chiếc xe trộm cắp của anh T có được 3.000.000đ, T đã thuê một chiếc xe máy grab do anh Đào Đình Nam, sinh năm 1986 - Trú tại: số 11 ngõ 206 Cổ Linh, quận B, thành phố Hà Nội điều khiển chở T đến cửa hàng điện thoại của anh Bảo để trả tiền và lấy lại chiếc xe Liberty. Khi cách của hàng anh Bảo 500m, T bảo anh Nam dừng xe, đưa cho anh Nam 1.050.000đ (gồm một triệu đồng lấy trong số tiền bán xe trộm cắp của anh T và năm mươi nghìn đồng là tiền của T) và nhờ anh Nam vào cửa hàng Bảo trả tiền lấy hộ xe. Khi anh Nam đến và đưa số tiền này cho anh Bảo thì Công an thị trấn Q rà soát phát hiện và đưa T cùng anh Nam về trụ sở để làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1xx ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự huyện K, kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS: 99K1-205.xx đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc 27/7/2021 có giá trị 9.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 214/CT-VKSGL ngày 29/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo T mức án tù từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng và trả lại cho bị cáo số tiền 50.000 đồng.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện K là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền và N vụ liên quan, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/07/2021 tại khu vực ngách 24 ngõ 68 Q, TDP Nông Nghiệp, huyện K, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Văn T đã trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS: 99K1-205.xx đã qua sử dụng của anh Nguyễn Đức T. Trị giá của chiếc xe máy là 9.000.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân của bị cáo chưa có tiền án-tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đáng ra cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9]. Bị hại là anh Nguyễn Đức T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ số tiền 2.050.000 đồng; trong đó có 2.000.000 đồng là tiền bị cáo thu lời bất chính nên cần cho tịch thu sung công quỹ nhà nước; số tiền 50.000 đồng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Anh Hà Thiện Bảo và anh Đào Đình Nam đều khai nhận không biết và không liên quan đến việc T trộm cắp. Anh Hà Thiện Bảo tự nguyện giao nộp chiếc xe máy Liberty BKS: 29E1-236.xx, số tiền 1.050.000đ đã nhận của T cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu về dân sự. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xem xét xử lý đối với anh Hà Thiện Bảo và anh Đào Đình Nam là có căn cứ.

[13]. Đối với Trần Văn N là người mua xe của T, lời khai của anh N và Nguyễn Văn T đều thể hiện anh N không biết chiếc xe này là xe do T trộm cắp mà có. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xem xét xử lý đối với anh Trần Văn N là có căn cứ. Anh N tự nguyện giao nộp chiếc xe máy Honda Dream BKS: 99K1-205.xx cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu về dân sự.

[14]. Đối với 01 xe máy Honda Dream màu nâu BKS: 99K1-205.xx đã qua sử dụng thu giữ của anh Trần Văn N (SK: RLHHA08089Y077894, SM: HA08E1093251, không có trong dữ liệu xe vật chứng). Quá trình điều tra, xác định chủ sở hữu đứng tên đăng ký của chiếc xe máy này là ông Nguyễn Đức Luân là bố của bị hại Nguyễn Đức T. Quá trình điều tra xác định, ông Luân đã tặng cho chiếc xe máy trên cho anh T để sử dụng. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe máy trên cho anh T là có căn cứ.

[15]. Đối với 01 xe máy Liberty BKS: 29E1-236.xx đã qua sử dụng là tài sản của Nguyễn Văn T được anh Hà Thiện Bảo giao nộp cho cơ quan điều tra (SK: RP8M73100BV015281, SM: M731M4015446, không có trong dữ

liệu xe vật chứng). Quá trình điều tra, xác định chủ sở hữu đúng tên đăng ký của chiếc xe máy này là chị Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1988 - Trú tại 3/43/43 Chùa Bộc, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị Hương khai chiếc xe trên chị mua và đăng ký tên mình sau đó do không có nhu cầu sử dụng đã bán lại chiếc xe máy trên cho một nam thanh niên. Chị Hương không còn giữ các giấy tờ mua bán, không có yêu cầu, đề nghị gì đối với chiếc xe trên. Nguyễn Văn T đã mua và sử dụng chiếc xe máy này, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe máy trên cho T là có căn cứ.

[16]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về hình phạt bổ sung và về vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[17]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[18]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn thử thách là 24 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Phúc Lợi, quận B, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 50.000 đồng.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai số: AA/2020/0054xx4 ngày 03/12/2021).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án. Người có quyền và N vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA